

NGUYỄN BÌNH\*  
ĐỖ DUY HƯNG\*\*

## HIỆN TRẠNG VÀ XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN TÔN GIÁO CỦA CỘNG ĐỒNG BÀNİ TỈNH BÌNH THUẬN, NINH THUẬN

*Tóm tắt:* Theo nhiều nghiên cứu gần đây, cộng đồng Bànì hình thành từ cuối thế kỷ XVI và có những thực hành tôn giáo gắn với niềm tin, tín điều của Islam giáo. Trải qua hơn bốn thế kỷ với nhiều biến chuyển của thời cuộc, cộng đồng Bànì vẫn duy trì được sự tồn tại của mình. Với chính sách đảm bảo quyền tự do tôn giáo, tín ngưỡng của Đảng và Nhà nước Việt Nam, đời sống tôn giáo của cộng đồng Bànì đã dần đi vào ổn định và nề nếp. Tuy nhiên, không phải sự ổn định nào cũng bất biến trong sự vận động và phát triển của nó. Thông qua một số kết quả khảo sát điền dã tháng 4/2022, bài viết trình bày về hiện trạng tôn giáo của cộng đồng Bànì ở Ninh Thuận, Bình Thuận.

*Từ khóa:* Bànì; Ninh Thuận; Bình Thuận; hiện trạng.

### Dẫn nhập

Tỉnh Ninh Thuận và tỉnh Bình Thuận là nơi người Chăm cư trú lâu đời, có số lượng dân cư đông nhất ở Việt Nam, bảo lưu được nhiều phong tục tập quán cổ truyền. Về tôn giáo, người Chăm ở Ninh Thuận, Bình Thuận có bộ phận Balamôn giáo, có bộ phận Bànì - một “hiện tượng” tôn giáo có nhiều giả thuyết về cách thực hành tôn giáo của họ và đang được gọi là *Hồi giáo Bànì* trong các văn bản quản lý Nhà nước về tôn giáo, và có bộ phận Islam giáo chính thống.

---

\* Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

\*\* Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Bài viết là sản phẩm của đề tài cấp Bộ niên khóa 2021-2022: *Đạo Bànì trong cộng đồng người Chăm ở Việt Nam: Hiện trạng và những vấn đề đặt ra* do TS.

Nguyễn Bình làm chủ nhiệm; Viện Nghiên cứu Tôn giáo là cơ quan chủ trì.

Ngày nhận bài: 17/5/2022; Ngày biên tập: 20/6/2022; Duyệt đăng: 22/7/2022.

Nghiên cứu về tôn giáo, tín ngưỡng của người Chăm nói chung và người Chăm Bani nói riêng ở Việt Nam đến nay khá đa dạng không thể liệt kê chi tiết trong khuôn khổ của bài viết này, nhưng có thể phân loại thành các nhóm, như: đề tài khoa học cấp Nhà nước, cấp Bộ, cấp Tỉnh, luận án tiến sĩ, luận văn thạc sĩ, bài tạp chí, bài báo, tham luận hội thảo khoa học. Mỗi đề tài lại đề cập tới những nội dung khác nhau, có thể về tôn giáo, có thể về tín ngưỡng, về lễ hội, v.v... với cách tiếp cận và góc độ nghiên cứu khác nhau: triết học, xã hội học, văn hóa học, dân tộc học,...

Trong bối cảnh các cộng đồng tôn giáo ở Việt Nam tăng cường và mở rộng mối giao lưu với tôn giáo trong khu vực và thế giới, cộng đồng Bani, vốn dĩ từ lâu không có mối quan hệ với các cộng đồng tôn giáo cùng tôn thờ đối tượng thiêng của Islam giáo - Allah, vẫn duy trì tính bền vững trong thực hành tôn giáo, hay đã có những biến chuyển phù hợp với bối cảnh thời đại. Đó là vấn đề đặt ra trong nghiên cứu này. Từ kết quả đợt khảo sát điền dã tháng 4/2022, trong bài viết này, chúng tôi trình bày về hiện trạng tôn giáo của cộng đồng Bani ở Ninh Thuận, Bình Thuận.

Thuật ngữ là vấn đề nan giải khi khảo cứu về cộng đồng Bani. Từ xưa đến nay, ở Việt Nam vẫn thường dùng thuật ngữ Hồi giáo cả về mặt quan phương và phi quan phương để chỉ các nhóm người thực hành tôn giáo tôn thờ Allah - đấng thiêng của tôn giáo do Thiên sứ Muhammad sáng lập. Do còn những tranh luận học thuật và quan niệm của cộng đồng sở hữu niềm tin tôn giáo nên trong bài viết này, chúng tôi thống nhất sử dụng thuật ngữ: *Islam giáo*.

### **1. Khái lược về cộng đồng Bani**

Các tác giả như M. E. Aymonier (1891), Manguin (1979), P. B. Lafont (1988, 2007), Po Dharma (1999), R. Nakamura (2000), Trương Văn Món (2012), Nguyễn Ngọc Ánh (2017, 2018), v.v... trong các nghiên cứu của họ đều ủng hộ ý kiến rằng cư dân Champa vào cuối thế kỷ XVI đã theo Islam giáo đủ đông đúc để hình thành nên một cộng đồng tự nhận là “Bani”, sống xen kẽ với đa số cư dân theo tín ngưỡng cũ. Khi một bộ phận cư dân Champa bắt đầu tiếp nhận Islam giáo, đa số cư dân còn lại vẫn theo một loại hình tôn giáo - tín ngưỡng

(là sự cộng gộp của các yếu tố Ấn giáo và tín ngưỡng bản địa) được xem là truyền thống. Bộ phận đa số này không chấp nhận việc các tín đồ đạo mới bỏ bê tập tục, thờ thần thánh khác và tiếp nhận các yếu tố văn hóa ngoại lai. Mâu thuẫn ngày càng lớn dẫn đến chia rẽ sâu sắc trong cộng đồng tộc người. Mãi đến dưới triều đại Po Romé (1627-1651), mới mâu thuẫn kéo dài giữa hai cộng đồng tôn giáo, tín ngưỡng này mới được dung hòa qua “triết lý lưỡng hợp” trong văn hóa Chăm (B. P. Lafont, 2007; Trương Văn Món, 2008; Thành Phần, 2010; Nguyễn Ngọc Ánh, 2015).

Chính sách hòa giải của Po Romé đã tạo nên cho người Chăm một hình thái tôn giáo - tín ngưỡng mang tính dung hòa mà người Chăm còn thực hành cho đến ngày nay. Theo đó, ngài bắt buộc những người tin theo Islam giáo (tức nhóm tự nhận *Bani*) phải giữ lại những tín ngưỡng truyền thống. Đối với nhóm tín ngưỡng cũ, ngài cũng yêu cầu họ phải thờ thêm các vị thần của tôn giáo mới, người Chăm gọi là *Yang Baruw* (các vị thần mới). Từ đó, người Chăm còn gọi những người tin thờ Allah trước triều đại Po Romé là *Chăm Awal* (gốc từ Ả rập, có nghĩa là “đầu tiên, trước”), còn những người Chăm tin thờ Allah sau chính sách của vua Po Romé được gọi là *Chăm Ahiér* (gốc từ Ả rập, có nghĩa là “cuối, sau cùng”) [Hawkins J.M., 2004: 13]. Sự dung hợp khiến cho hai cộng đồng *Awal - Ahiér* trở thành một cặp tín ngưỡng không thể tách rời theo “triết lý lưỡng hợp” của người Chăm. Kể từ đó, Islam giáo và Ấn giáo trong người Chăm biến thành một loại hình tôn giáo - tín ngưỡng có sự tách biệt với tính chính thống của chúng [Nguyễn Ngọc Ánh, 2016; Quảng Đại Tuyên & Nguyễn Ngọc Ánh, 2018].

Tuy từ “Awal” xuất hiện từ sau chính sách hòa hợp tôn giáo của Po Romé ở thế kỷ XVII nhưng cộng đồng Awal vẫn quen dùng từ “Bani” trước đó để gọi mình. Trên thực tế, danh từ người Chăm thường dùng nhất để chỉ hai cộng đồng Ahiér - Awal là Chăm - Bani. Có thể thấy rõ điều này trong những giao tiếp hàng ngày của người Chăm, hay trong các văn bản Chăm, trong các tác phẩm văn học dân gian về chuyện tình giữa “người Chăm” và “người Bani”. Điều này cho thấy từ “Bani” có ý nghĩa rất quan trọng trong tâm thức của cả hai cộng đồng Chăm nói chung. Vậy từ này có ý nghĩa gì?

Theo M. E. Aymonier, “những người theo Hồi giáo ở Bình Thuận cũng tự đặt cho mình cái tên là **Bani** hoặc tự gọi mình là Orang *những người Islam giáo*, chắc hẳn đây là do từ chữ Ả rập **Beni** các người con trai mà ra, đối lập với chữ Tcham là Djat, có nghĩa là *giống nòi* mà họ cũng gọi là Kaphir hoặc Akaphir từ chữ Ả rập là Kafer, có nghĩa là *người ngoại đạo*” [M. E. Aymonier, 1891]. Tiếp đó, M. Durand cũng đưa ra cách giải thích tương tự “Bani” là phiên âm của tiếng Ả rập **Benî**, “các con trai (của Nhà tiên tri) [M. Durand, 1903: 54]. Cách giải thích này được nhiều nghiên cứu đi sau viện dẫn. Nguyễn Hồng Dương cung cấp thêm rằng người Bani tự nhận mình là con cháu của Adam trong một cuộc khảo sát ở Bình Thuận qua câu “*Ya Bani Adam*” trong sách kinh của người Bani [Nguyễn Hồng Dương, 2007: 129].

Tuy nhiên, Đồng Thành Danh, qua những nghiên cứu điền dã trong cộng đồng Chăm, đã đưa ra cách hiểu từ Bani của người Chăm. Từ “Bani” trong tiếng Chăm có nghĩa là “người có đạo”, và nó trái nghĩa với từ “Akaphiér” nghĩa là “người không có đạo”. Với người Bani, những người nào tin theo đấng Allah là người “có đạo” và những người không tin theo Allah là người “không có đạo”. Thực tế, người Chăm quan niệm, trước khi trở thành Bani thì mọi người Chăm đều là *Chăm Jat*, nghĩa là Chăm gốc. Thuật ngữ để ám chỉ việc theo Bani trong tiếng Chăm là “tamâ Bani”, nghĩa là “vào đạo”, từ chỉ cộng đồng này là “Urang Bani” nghĩa là “người có đạo”. Trong nghi lễ thành niên/nhập đạo (Karoh) của người Chăm Bani, trong lời cầu khẩn của những phụ nữ lớn tuổi có câu: “brei ka nyu tamâ bani tamâ jawa”, nghĩa là “xin cho nó được vào đạo vào Jawa” [Đồng Thành Danh, 2021]. Người Chăm thường dùng từ “Jawa” để chỉ chung những người đến từ thế giới Mã Lai đa đảo, và do người Chăm tiếp thu Hồi giáo chính thống từ người Jawa nên từ “Jawa” trong tiếng Chăm cũng có nghĩa là “Islam giáo” [Nguyễn Ngọc Ánh, 2017: 48].

## 2. Hiện trạng cộng đồng tôn giáo Bani

### 2.1. Cộng đồng tôn giáo Bani tỉnh Bình Thuận

*Về tín đồ:* Tín đồ tôn giáo Bani tỉnh Bình Thuận chủ yếu phân bố trên địa bàn ở sáu xã của năm huyện: xã Phú Lạc (Tuy Phong), xã Phan Thanh, Phan Hòa (Bắc Bình), xã Hàm Trí (Hàm Thuận Bắc),

xã Tân Thắng (Hàm Tân), thị trấn Lạc Tánh (Tánh Linh). Theo thống kê năm 2021 của Hội đồng Sư cả Hội giáo Bàni tỉnh Bình Thuận, tín đồ tôn giáo Bàni toàn tỉnh có 3.767 hộ/20.058 khẩu, chiếm 52,5% dân số Chăm và chiếm 1,64% dân số của tỉnh; trong đó tập trung đông nhất tại xã Phan Thanh và xã Phan Hòa của huyện Bắc Bình, với 14.430 tín đồ.

*Về chức sắc:* tôn giáo Bàni ở tỉnh Bình Thuận có một đội ngũ chức sắc đông đảo. Đây là đội ngũ quan trọng góp phần duy trì đời sống tâm linh, gìn giữ những giá trị văn hóa truyền thống của cộng đồng tín đồ tôn giáo Bàni. Tổng số chức sắc tôn giáo Bàni trong tỉnh Bình Thuận hiện có 355 vị, gồm bốn cấp bậc từ thấp đến cao: cấp Char (thầy Chang), Khotíp/Típ), Imam/Mum và Po Gru (Sư cả), cụ thể như sau: 10 Sư cả, 155 Mum 40, 25 Mum cừu, 10 Mum tân, 10 Khotíp tân, 145 vị Achar.

*Về cơ sở thờ tự:* Toàn tỉnh Bình Thuận hiện nay có mười tám cơ sở thờ tự của cộng đồng tôn giáo Bàni, trong đó có mười thánh đường (còn gọi là chùa – tiếng Chăm là Haluw Sang Magik), ba dinh, hai lăng và ba đền: ở huyện Bắc có sáu thánh đường (gồm các chùa: Bình Thắng, Bình Minh, Bình Hòa ở xã Phan Hòa; thánh đường Cảnh Diễn, Thanh Kiệt, Châu Hanh ở xã Phan Thanh) và hai đền (một đền là di tích lịch sử cấp tỉnh là Bimong Pô Klóng Sat); ở huyện Hàm Thuận Bắc có hai thánh đường và một lăng (thánh đường Lâm Thành và Giang Mâu ở xã Hàm Trí); ở huyện Tuy Phong có một thánh đường (thánh đường Vĩnh Hanh ở xã Phú Lạc); ở huyện Tánh Linh có một thánh đường, một lăng và một đền (thánh đường khu phố Chăm, thị trấn Lạc Tánh); ở huyện Hàm Tân có ba dinh thuộc thôn Phò Trì, xã Tân Thắng.

*Về tổ chức tôn giáo:* Trước đây, cộng đồng Chăm ở tỉnh Bình Thuận không có tổ chức chung cho toàn cộng đồng mà hình thành tổ chức theo đơn vị thánh đường, Palei trong các làng Chăm. Đối với tôn giáo Bàni, đứng đầu mỗi thánh đường là một vị sư cả (Gru), giúp việc cho sư cả trong các hoạt động tôn giáo là Ban Quản lý thánh đường do chức sắc và tín đồ suy cử theo nhiệm kỳ bốn năm, gồm Mum tân, Khotíp tân.

Tháng 10/2009, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận cho phép thành lập Ban đại diện lâm thời cộng đồng Hội giáo tỉnh với mười một vị sư cả và chín vị Mụm 40. Ngày 03/12/2010, Sở Nội vụ tỉnh Bình Thuận cấp *Giấy Chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo* số 2570/GCN-SNV cho cộng đồng tôn giáo Bàni tỉnh Bình Thuận. Ngày 31/10/2012 UBND tỉnh Bình Thuận có Quyết định số 2161/QĐ-UBND chấp thuận *công nhận tổ chức Hội đồng Sư cả Hội giáo Bàni tỉnh*. Hội đồng Sư cả Hội giáo Bàni hoạt động theo pháp luật Việt Nam và Quy chế đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận. Hiện nay, tại Bình Thuận mô hình tổ chức tôn giáo của tôn giáo Bàni được chia thành hai cấp như sau:

*Tổ chức tôn giáo* có tên gọi “Hội đồng Sư cả Hội giáo Bàni tỉnh Bình Thuận” là các vị sư cả, mụm có uy tín, đạo hạnh của mười chùa do Đại hội đại biểu chức sắc, chức việc, tín đồ tôn giáo Bàni suy cử với nhiệm kỳ 5 năm (tháng 4/2022, Hội đồng đã tổ chức đại hội lần thứ ba, nhiệm kỳ 2021-2026, suy cử hai mươi lăm vị chức sắc, gồm mười sư cả, mười hai Mụm 40, một Mụm cựa, một Mụm tân và một thầy bóng là thành viên Hội đồng). Ban Thường trực Hội đồng nhiệm kỳ 2021-2026 gồm chín thành viên (một chủ tịch, bốn phó chủ tịch, một ủy viên thư ký, ba ủy viên). Hội đồng Sư cả có con dấu riêng và tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật.

*Cấp cơ sở* tổ chức theo từng thánh đường, cấp này được hình thành tại mười thánh đường tôn giáo Bàni trong tỉnh, gọi là “Ban quản lý Chùa”, hoặc “Ban Phong tục” đối với thôn Phò Trì, gồm bảy hoặc chín thành viên, đứng đầu là sư cả.

Từ ngày được công nhận tổ chức tôn giáo cấp tỉnh đến nay, Hội đồng Sư cả Hội giáo Bàni tỉnh Bình Thuận đã tăng cường sự đoàn kết trong nội bộ chức sắc, tín đồ, xây dựng mối đoàn kết trong Hội đồng Sư cả; thực hiện tốt các nội quy, quy chế của Hội đồng Sư cả đề ra trong cộng đồng tôn giáo Bàni; tiến hành nhiều cuộc họp giải quyết các vấn đề liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo; ban hành *Quy ước cộng đồng Hội giáo Bàni tỉnh Bình Thuận*. Việc ban hành Quy ước có ý nghĩa quan trọng trong chức sắc, tín đồ tôn giáo Bàni trong toàn tỉnh. Quy ước là hệ thống cốt lõi, tập hợp những giá trị truyền thống của

tôn giáo Bani, nhằm điều chỉnh tất cả các chức sắc, tín đồ Chăm theo tôn giáo Bani, toàn tỉnh đối với việc thực hiện các nghi thức tôn giáo, giúp các chức sắc, tín đồ trên địa bàn tỉnh tham gia quản lý cộng đồng, gìn giữ và phát huy văn hóa truyền thống; động viên, khuyến khích, tạo điều kiện cho chức sắc tín đồ thực hiện tốt phong tục tập quán, tín ngưỡng tôn giáo cho phù hợp; phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan trong tỉnh, như: Ban Dân vận, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ban Tôn giáo, Ban Dân tộc, Công an,... làm cầu nối trong việc tuyên truyền, vận động tín đồ thực hiện chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; giải quyết các vấn đề nổi cộm, mâu thuẫn tôn giáo ở các thánh đường; bài trừ mê tín dị đoan, xung đột, hiềm khích giữa tín đồ trong các làng tôn giáo Bani (ví dụ, việc mâu thuẫn trong các chức sắc ở thánh đường thị trấn Lạc Tánh, huyện Tánh Linh; việc mâu thuẫn ngày tháng K'tách (ngày kiêng cử trong tháng Ramawan và tháng Waha của tôn giáo Bani) giữa tôn giáo Bani và Balamôn giáo tại huyện Bắc Bình; việc mất đoàn kết tại thánh đường Vĩnh Hanh, xã Phú Lạc, huyện Tuy Phong, hay việc mất đoàn kết tôn giáo giữa làng Phò Trì và Ban Quản lý chùa Giang Mâu; cùng với đó Hội đồng Sư cả đã vận động chức sắc, tín đồ không làm nghiêm trọng vụ việc một số hộ người Kinh lấn chiếm đất nghĩa trang ở Vĩnh Hanh, xã Phú Lạc, huyện Tuy Phong; việc đánh nhau giữa thanh niên Kinh và thanh niên Chăm (huyện Tuy Phong và huyện Bắc Bình); v.v....

Mô hình tổ chức tôn giáo của tôn giáo Bani tỉnh Bình Thuận được đánh giá là hoạt động ổn định, có hiệu quả trong sinh hoạt tôn giáo. Cùng với việc điều hành các công việc tôn giáo, có nhiều chức sắc (có cả tín đồ) đảm nhiệm các chức vụ quan trọng trong các cấp chính quyền từ Trung ương tới địa phương. Trong đó, có nhiều chức sắc là thành viên Hội đồng Sư cả tham gia hệ thống chính trị các cấp (một vị chức sắc là thành viên Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, một vị là thành viên Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện, năm vị là thành viên Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, và sáu vị chức sắc là đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã nhiệm kỳ 2016 - 2021). Tuy số lượng chức sắc tham gia hệ thống chính trị chưa đông đảo nhưng phần nào đã góp phần xây dựng hệ thống chính trị cơ sở tại địa phương ngày càng vững mạnh, nhất là những vị chức sắc có uy tín.

Tuy nhiên, trong tổ chức hoạt động, Hội đồng Sư cả còn gặp khó khăn do các thành viên giữ chức vụ quan trọng là sư cả tại các thánh đường đều đã cao tuổi, hoặc mới được bầu vào Hội đồng thường gặp khó khăn khi tham gia điều hành các hoạt động và hội họp cùng các cấp chính quyền, chưa quen với công việc hành chính đạo.

Công tác tham gia các hoạt động từ thiện xã hội cũng được hưởng ứng tích cực, những năm qua, thực hiện lời kêu gọi của các cấp chính quyền Hội đồng Sư cả đã vận động chức sắc, tín đồ ủng hộ nhiều chương trình thiết thực, như: Quỹ vì người nghèo, đền ơn đáp nghĩa, ủng hộ đồng bào miền Trung bị lũ lụt, ủng hộ góp đá xây dựng đảo Trường Sa,... Nhiều chức sắc, tín đồ tham gia các tổ chức, như: Hội khuyến học, Ban Đại diện cha mẹ học sinh, cũng đã góp phần tích cực cho hoạt động xã hội tại địa phương vùng đồng bào Chăm theo tôn giáo Bàni sinh sống.

## **2.2. Cộng đồng tôn giáo Bàni tỉnh Ninh Thuận**

*Về tín đồ:* Thống kê tính đến tháng 12/2020 của Hội đồng Sư cả Hội giáo Bàni tỉnh Ninh Thuận, tín đồ tôn giáo Bàni ở Ninh Thuận có 5.129 hộ với 29.705 khẩu, cư trú tập trung tại bảy thôn thuộc sáu xã của bốn huyện, cụ thể: các thôn Thành Tín, xã Phước Hải, thôn Phú Nhuận, xã Phước Thuận, thôn Tuấn Tú, xã An Hải thuộc huyện Ninh Phước; thôn An Nhơn và thôn Phước Nhơn, xã Xuân Hải, huyện Ninh Hải; thôn Văn Lâm, xã Thuận Nam, huyện Thuận Nam; thôn Lương Tri, xã Nhơn Sơn, huyện Ninh Sơn. Các thôn có đông người Chăm Bàni là thôn Văn Lâm với 8.389 người, thôn Phước Nhơn với 6.228 người, thôn Thành Tín với 5.376 người.

*Về chức sắc:* So với Bình Thuận, số lượng chức sắc Bàni ở Ninh Thuận chỉ có chín mươi chín vị gồm: Sư cả: bảy vị, Phó Sư cả: ba vị, Imam/Imurm: năm mươi lăm vị (bốn mươi tám Imam cụu, bảy Imam tân), Katip: mười một vị, Mâdin: mười bốn vị và Acar: chín vị.

*Về cơ sở thờ tự:* Có bảy thánh đường tương ứng với địa điểm cư trú của người Chăm Bàni: Thành Tín, Phú Nhuận, Tuấn Tú, An Nhơn, Phước Nhơn, Văn Lâm, Lương Tri.

*Về tổ chức tôn giáo:* Cũng như ở Bình Thuận, trước đây, cộng đồng Chăm ở tỉnh Ninh Thuận không có tổ chức chung cho toàn cộng đồng mà hình thành tổ chức theo đơn vị thánh đường, Palei trong các làng Chăm. Nhưng cộng đồng tôn giáo Bani tỉnh Ninh Thuận lại đi trước Bình Thuận trong việc thành lập một tổ chức chung, thống nhất cho tín đồ trong tỉnh.

Năm 2006, Hội đồng Sư cả Hồi giáo Bani tỉnh Ninh Thuận được thành lập theo văn bản số 2749/UBND-VX ngày 06/9/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận và văn bản số 150/BTG-VP ngày 06/9/2006 của Ban Tôn giáo tỉnh Ninh Thuận. Hội đồng Sư cả Hồi giáo Bani tỉnh Ninh Thuận được thành lập là một dấu mốc trong tiến trình phát triển, tạo ra sự thống nhất kể từ sau sự kiện năm 1832 khi các cộng đồng tôn giáo Bani hoạt động rời rạc, mỗi sư cả điều hành một thánh đường. Hội đồng là đại diện cho tín đồ tôn giáo Bani tỉnh Ninh Thuận, có tư cách pháp nhân và có trách nhiệm điều hành các hoạt động lễ nghi tín ngưỡng, tôn giáo trong phạm vi bảy thánh đường. Đến nay, Hội đồng đã trải qua ba nhiệm kỳ, với mỗi nhiệm kỳ 5 năm, hiện đang nhiệm kỳ thứ IV (2021-2026).

Hội đồng Sư cả Hồi giáo Bani tỉnh Ninh Thuận có ba mươi sáu thành viên, với cơ cấu tổ chức gồm bảy ban: Ban Thường trực (bảy thành viên), Ban Kế hoạch (bảy thành viên, trong đó có bốn thành viên chính thức, ba thành viên cộng tác), Ban Tài chính (sáu thành viên), Ban Giáo lý (bảy thành viên, trong đó có sáu thành viên chính thức, một thành viên cộng tác), Ban Sakawi (chín thành viên, trong đó có sáu thành viên chính thức, ba thành viên cộng tác), Ban Giám sát và Hòa giải (sáu thành viên, trong đó bốn thành viên chính thức, hai thành viên cộng tác), Ban Phong tục (tám thành viên, trong đó sáu thành viên chính thức, hai thành viên cộng tác) và Ban Phụ nữ (mười chín thành viên, trong đó bốn thành viên chính thức, mười lăm thành viên cộng tác). Ngay từ khi được thành lập, Hội đồng Sư cả Hồi giáo Bani tỉnh Ninh Thuận đã ban hành quy chế làm việc và quy ước thực hành nghi lễ của Hội đồng. Các bản quy chế, quy ước này đều được dần dần hoàn thiện qua mỗi nhiệm kỳ.

Sự ra đời của Hội đồng Sư cả đã kết nối các làng tôn giáo Bani sinh hoạt độc lập trước đây thành một thể thống nhất và thiết lập một tôn giáo có tổ chức. Tận dụng lợi thế này, các chức sắc và trí thức Bani đã cùng ngồi lại bàn bạc, nghiên cứu, tìm cách thống nhất lại luật tục, lịch pháp, biên soạn giáo lý, chỉnh sửa kinh sách để tất cả tín đồ tôn giáo Bani đều sinh hoạt trong một khuôn khổ đồng nhất. Họ cũng thành lập ban giám sát để theo dõi và chấn chỉnh những thủ tục sai biệt ở các làng.

Các ban của Hội đồng Sư cả có tinh thần trách nhiệm, có sự phối hợp giữa các ban với Hội đồng tại bảy thánh đường. Các thành viên trong ban tích cực chấp hành tốt kế hoạch và hoạt động có hiệu quả với tinh thần tự nguyện, nhiệt tình tạo được niềm tin trong tín đồ, bên cạnh đó còn có sự hướng dẫn tận tình, thường xuyên của Ban Tôn giáo tỉnh để cùng chung xây một đường hướng hành đạo đúng đắn, gắn bó đồng hành cùng dân tộc, ngày càng “tốt đời, đẹp đạo”.

Ban Thường trực Hội đồng Sư cả đã xây dựng khối đoàn kết vững chắc trong các tín đồ, chức sắc, chức việc ở bảy thánh đường; giáo dục các tín đồ tôn giáo Bani chấp hành tốt chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và quy chế hoạt động của Hội đồng Sư cả; Biên soạn và ban hành kế hoạch hoạt động của Hội đồng sư cả hàng năm; Tham gia các chương trình, hội nghị do các ban ngành trong tỉnh tổ chức.

### 3. Xu hướng chuyển đổi tôn giáo

Nhìn chung, từ nửa sau thế kỷ XX chứng kiến hai xu hướng chuyển đổi tôn giáo chủ yếu trong cộng đồng Chăm Ninh Thuận, Bình Thuận: (1) Xu hướng chuyển đổi từ tôn giáo truyền thống, như: từ Balamôn, Bani và tín ngưỡng dân gian sang đạo Tin Lành; (2) Xu hướng chuyển đổi từ tôn giáo truyền thống Balamôn, Bani sang Islam giáo.

Về sự chuyển đạo sang Tin Lành, nhìn chung, so với người Chăm bên Balamôn, người Chăm Bani ít chuyển đổi sang tôn giáo này. Ở làng Bani Thành Tín (*palei Cuah Patih*), xuất hiện hiện tượng cải đạo sang Tin Lành từ năm 2008. Số hộ cải đạo thời điểm cao nhất là 15 hộ, nay chỉ còn 5 hộ. Làng Tuấn Tú (*palei Katuh*) cũng có 9 hộ Bani

theo đạo Tin Lành từ năm 2010. Các tín đồ nhiều lần có ý định xây nhà nguyện nhưng gặp phải sự phản đối quyết liệt của cộng đồng Bani trong làng. Ngoài ra, còn có làng Phú Nhuận (*palei Baoh Deng*) cũng có người cải đạo Tin Lành, nhưng số lượng tín đồ chỉ dừng ở con số vài người và họ thường sinh hoạt tôn giáo khá kín đáo, người trong làng ít biết được. Ở các làng Bani khác chúng tôi chưa phát hiện có trường hợp nào.

Nhìn chung, ở những làng có người Chăm theo đạo Tin Lành đều chưa có nhà thờ, mới chỉ có nhà nguyện ở làng Hiếu Lễ và làng Phước Lập. Họ cũng chưa có chức sắc “mục sư” mà mới chỉ ở giai đoạn người đi theo đạo trước hướng dẫn người theo đạo sau, sinh hoạt tôn giáo ở trong làng, hoặc đi qua làng khác, hoặc tới nhà thờ Tin Lành trong thành phố Phan Rang để sinh hoạt chung với người Kinh đồng đạo.

*Về sự chuyển đổi sang Islam giáo:* Islam giáo sau hơn nửa thế kỷ thâm nhập vào vùng Chăm Ninh Thuận nay cũng là tôn giáo đang có hoạt động truyền đạo sôi nổi. Trên thực tế thì Islam giáo cũng không phải là tôn giáo mới ở Ninh Thuận, Bình Thuận nếu so với lịch sử du nhập của tôn giáo này vào vương quốc Champa. Như đã biết, từ thế kỷ X đến thế kỷ XV là giai đoạn Champa tiếp xúc với Islam giáo trực tiếp từ Trung Đông hoặc Bắc Phi (Aymonier (1890), Boisselier (1902), Ed. Huber (1911), Ravaisse (1922), Maspero (1928)...); giai đoạn thứ hai là từ thế kỷ XV đến XVIII khi Champa tiếp nhận Islam giáo trực tiếp và đầy đủ nhất từ thế giới Mã Lai (Manguin (1979), Lafont (1988, 2007), Po Dharma (1999), Nakamura (2000), Trương Văn Món (2012), Nguyễn Ngọc Ánh (2015, 2018))... Đến cuối thế kỷ XVIII, Champa suy vong không còn khả năng tiếp xúc với thế giới Mã Lai nữa thì mối liên hệ giữa dân Chăm và Islam giáo cũng mất đi. Trong hàng trăm năm sau đó, cho đến khi Islam giáo trở lại truyền giáo vào Ninh Thuận từ thập niên 60 của thế kỷ XX thì đồng bào Chăm nơi đây đã xem đây là một tôn giáo “xa lạ” và phản đối quyết liệt [Nguyễn Ngọc Ánh, 2013].

Cụ thể, từ đầu những năm 1960, Islam giáo từ An Giang và thành phố Hồ Chí Minh bắt đầu truyền đạo trở lại vùng người Chăm Ninh Thuận. Tuy bước đầu gặp nhiều khó khăn, phản kháng quyết liệt của đồng bào Chăm nơi đây, nhưng cơ bản nó cũng đã “cắm rễ” được vào ba làng Chăm Bàn là Văn Lâm (*palei Ram*), An Nhơn (*palei Pamblap Klak*) và Phước Nhơn (*palei Pamblap Biruw*), ổn định và không lan rộng cho đến gần đây. Trong mười năm trở lại đây, Islam giáo tăng cường truyền đạo, mở rộng sang các làng Chăm Bàn và các làng Chăm Balamôn khác nhưng kết quả là không đáng kể.

Cho đến nay, cộng đồng Islam giáo mới nhất ngoài ba làng Bàn kể trên là ở Thành Tín (*Cuah Patih*) với 200/1.013 hộ cải theo Islam giáo. Trong nhiều năm, những người theo Islam giáo trong làng cố gắng xây dựng một *Surau* (tiểu thánh đường) để sinh hoạt tôn giáo nhưng gặp nhiều sự phản đối của cộng đồng Bàn trong làng nên vẫn chưa có cơ sở thờ tự. Ngoài ra, ở làng Tuấn Tú có một hộ và làng Phú Nhuận có hai hộ cải theo Islam giáo.

Hiện nay, không chỉ dừng ở việc truyền đạo vào các làng Bàn, Islam giáo cũng đã xâm nhập vào một bộ phận cộng đồng Chăm Balamôn. Họ có một *Surau* ở làng Hiều Lễ (*palei Caok*), và cũng thường xuyên qua làng An Nhơn (*palei Pamblap Klak*), nơi có thánh đường Islam giáo (*Masjid*) để sinh hoạt cùng với những người Chăm đồng đạo.

Theo Ban Quản lý Thánh đường tại các làng Văn Lâm, An Nhơn và Phước Nhơn, nơi có các cộng đồng Islam giáo, thì số lượng tín đồ tuy có tăng nhưng khá chậm. Năm 2005, cộng đồng Islam giáo ở Ninh Thuận là 3.334 người, năm 2021 là 4.300 người. Như vậy, sau mười bảy năm, số lượng tín đồ tăng chưa tới 1.000 người.

Tại Bình Thuận, vào năm 2006 có bảy người Chăm Bàn ở thôn Bình Minh, xã Phan Hòa, huyện Bắc Bình chuyển sang thực hành tôn giáo theo Islam giáo thông qua sự hướng dẫn của đồng đạo ở Thánh đường 101 và 104 xã Văn Lâm, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận. Tới năm 2010, số người chuyển sang Islam giáo ở thôn Bình Minh là bảy mươi chín người và họ đặt tên cho nhóm của mình là *Cộng đồng Islam Al-Mubarak* thôn Bình Minh, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận,

thực hành sinh hoạt tôn giáo tại nhà của ông Nguyễn Phú Quang (Bukhory) - người được đồng đạo suy cử làm trưởng nhóm. Năm 2017, “Cộng đồng Islam Al-Mubarak” có chín mươi một người với ba mươi lăm hộ gia đình, đến năm 2022 đã có một trăm linh năm người với bốn mươi lăm hộ gia đình. Tuy chưa được đăng ký sinh hoạt tôn giáo với chính quyền nhưng họ thực hành tôn giáo gắn bó với Islam giáo chính thống, như: khi gia nhập cộng đồng cũng phải tuyên xưng đức tin, thực hiện lễ cầu nguyện trưa thứ sáu hằng tuần, tổ chức học hỏi giáo lý, giáo luật, kinh Qur’an, tổ chức cho trẻ em thi xướng Kinh,....

Có ba nguyên nhân chính giải thích cho sự chuyển đổi tôn giáo trong cộng đồng tôn giáo Bani hiện nay. *Thứ nhất* là yếu tố hôn nhân, đây cũng là yếu tố quan trọng nhất. Khác với người Chăm Bani và Balamôn, đó là người nam phải theo phong tục của vợ mình, thì người Chăm Islam cho đến nay vẫn giữ quy định bất kể nam hay nữ khi kết hôn thì phải cải giáo theo Islam giáo. Vì vậy, số lượng tín đồ Islam giáo chỉ có tăng lên so với số lượng tín đồ tôn giáo Bani chứ không phải chiều ngược lại.

*Thứ hai* đó là yếu tố đẩy mạnh truyền đạo của Islam giáo. Như đã đề cập, trong mười năm trở lại đây Islam giáo tăng cường truyền đạo ngoài phạm vi ba làng truyền thống. Khi truyền đạo thành công cho một người thì người đó lại tiếp tục truyền cho những người thân trong gia đình, cha truyền cho con, chồng truyền cho vợ, anh em họ hàng truyền đạo cho nhau, hàng xóm, bạn bè truyền cho nhau... Họ tạo thành cộng đồng rất nhanh chóng, cùng giúp đỡ lẫn nhau trong sinh hoạt hằng ngày và sinh hoạt tôn giáo, và coi người lạ như anh em miễn cùng là Muslim.

*Thứ ba* là có một số người cho rằng tôn giáo, tín ngưỡng truyền thống có quá nhiều thủ tục nhiều nề, nặng nề, tốn kém, lãng phí tiền bạc, và nhận thấy những điều mới mẻ, tốt đẹp, thú vị ở tôn giáo mới. Họ cho rằng các tôn giáo như đạo Tin Lành hay Islam giáo đều rất đơn giản trong việc thực hiện nghi lễ, kiêng kị rườm rà, dạy tín đồ phải đoàn kết, thương yêu nhau, không mê tín. Đa số họ đều cho rằng sau khi gia nhập đạo mới họ cảm thấy nhẹ nhõm về tinh thần, vật chất,

được anh em thân hữu, đồng đạo yêu thương và tạo điều kiện giúp đỡ nhau cùng phát triển.

Trong hai xu hướng chuyển đổi tôn giáo nêu trên thì xu hướng cải đạo từ tôn giáo Bàni sang Islam giáo là đáng chú ý hơn. Sau hàng trăm năm không tiếp xúc với Islam giáo, đến khi tôn giáo này trở lại Ninh Thuận, Bình Thuận vào giữa thế kỷ XX và đầu thế kỷ XXI thì người Bàni vẫn xem Islam giáo như một tôn giáo khó chấp nhận. Bởi thế mà buổi đầu Islam giáo truyền bá trở lại vào các làng Chăm ở Ninh Thuận và gần đây là Bình Thuận đã gây ra mâu thuẫn và xung đột.

Số liệu thống kê cũng cho thấy sự gia tăng dân số Chăm Islam so với Chăm Bàni là không đáng kể. Ví dụ, ở tỉnh Ninh Thuận, số tín đồ Bàni năm 2008 là 22.113 người [Trương Văn Món, 2008: 153], năm 2021 là 28.369 người, tỉ lệ tăng trung bình là 7.7%/năm; số tín đồ Islam giáo như đã đề cập ở trên, năm 2005 là 3.334 người, năm 2021 là 4.300 người, tỉ lệ tăng trung bình là 5.9%/năm. Như vậy, trong hơn một thập niên, tỉ lệ tăng trung bình số lượng người Bàni luôn cao hơn người Chăm Islam.

### **Kết luận**

Cộng đồng Bàni đã vượt qua những thử thách trong quá khứ, hoạt động độc lập, riêng rẽ kể từ khi Champa tan rã, cho đến hình thành một tổ chức kết nối cộng đồng, hoạt động bài bản như hiện nay. Việc xuất hiện một tổ chức tôn giáo như Hội đồng Sư cả Hồi giáo Bàni đã góp phần rất lớn trong việc củng cố niềm tin tôn giáo của người Bàni. Kể từ khi thành lập, Hội đồng Sư cả đã không ngừng nghiên cứu, học hỏi, bổ sung hoàn thiện giáo lý, giáo luật; ban hành quy ước, thống nhất thủ tục nghi lễ, cách thức sinh hoạt tôn giáo, kinh sách; đơn giản bớt các thủ tục trong nghi lễ; tăng cường rao giảng giáo lý, tiếp xúc lắng nghe phản ánh của tín đồ; xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động bài bản.

Tuy nhiên, trong vùng đồng bào Chăm đã có hiện tượng chuyển đạo của một số ít tín đồ. Số tín đồ chuyển đạo chủ yếu xuất phát từ động cơ muốn thuận lợi trong kinh doanh, buôn bán; do bức xúc trong quá trình làm việc; vì quyền lợi vật chất trước mắt như để được hỗ trợ kinh phí đi tham quan, du lịch, học tập ở các nước Islam giáo. Ngoài

ra, nguyên nhân chuyển đạo cũng còn vì tập tục rườm rà, kéo dài thời gian, tốn kém chi phí làm cho các tín đồ từ bỏ tôn giáo truyền thống của mình đi theo tôn giáo khác. Đây là vấn đề mà chức sắc, người cao tuổi ở vùng đồng bào Chăm hiện nay quan tâm và lo ngại./.

---

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Ngọc Ánh (2013), Sự chuyển đổi tôn giáo trong vùng đồng bào Chăm tỉnh Ninh Thuận, *Kỷ yếu hội thảo khoa học “Một số vấn đề lý luận và thực tiễn sự chuyển đổi tôn giáo của các dân tộc thiểu số vùng Nam Bộ”*, Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.
2. Nguyễn Ngọc Ánh (2015), Tiếp biến văn hóa Chăm - Islam ở Việt Nam qua nghi lễ Kareh của người Chăm Awal – Một góc nhìn cấu trúc luận, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, số 11 (149), tr. 107-122.
3. Nguyễn Ngọc Ánh (2017), *Biểu tượng trong nghi lễ Kareh của người Chăm Awal*, Luận văn Thạc sĩ, Khoa Nhân học, Trường Đại học Khoa học xã hội & Nhân văn TP. Hồ Chí Minh.
4. Nguyễn Ngọc Ánh (2018), Quá trình hình thành tôn giáo Bani và vài đặc điểm tôn giáo của người Chăm Bani, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 9 (177), tr. 51-67.
5. Đồng Thành Danh (2021), “Các giai đoạn phát triển của đạo Bani - Giai đoạn trước năm 1975”, Chuyên đề phục vụ Đề tài cấp Bộ niên khóa 2021-2022 do TS. Nguyễn Bình làm chủ nhiệm.
6. Nguyễn Hồng Dương chủ biên (2007), *Một số vấn đề cơ bản về tôn giáo, tín ngưỡng của đồng bào Chăm ở hai tỉnh Bình Thuận, Ninh Thuận hiện nay*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
7. Pierre Bernard Lafont (1988), On Relations between Champa and Southeast Asia, *Proceedings of the Seminar On Champa*, Paris, pg. 65–75.
8. E. M. Durand (1903), Les Chams Bani, *BEFEO*, 3 (1), pp. 54-62. (Bản dịch tiếng Việt của Hoàng Thị Bích Ngọc, Viện Nghiên cứu Tôn giáo).
9. Hawkins J.M. (2004), *Kamus Dwibahasa Oxford Fajar: Inggeris – Melayu, Melayu – Inggeris*, Oxford University Press.
10. Trương Văn Món (2008), “Sự biến đổi tín ngưỡng, tôn giáo của người Chăm ở Việt Nam”, trong *Sự biến đổi của tôn giáo tín ngưỡng ở Việt Nam hiện nay*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, tr. 131–173.
11. Trương Văn Món (2012), *Mối quan hệ giữa văn hóa Chăm và văn hóa Mã Lai thông qua lễ Rija Praong và Mak Yong*, Luận án Tiến sĩ Lịch sử, Đại học Khoa học xã hội & Nhân văn, Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.
12. Nhiều tác giả (2013), *Nhân học đại cương*, Nxb. Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.

13. Pierre Bernard Lafont (2007), *Le Champa: Géographie - Population – Histoire*, Les Indes Savantes, Paris (Bản dịch: *Vương quốc Champa: Dân cư – Địa dư – Lịch sử*, ấn hành bởi IOC, 2011, California, Hoa Kỳ).
14. Pierre-Yves Manguin (1979), L' Introduction de l' Islam au Campa, *BEFEO*, No LXVI, pg. 255-287.
15. Po Dharma (1999), *Quatre Lexiques malais – Cam anciens*, Paris: EFEO.
16. Quảng Đại Tuyên và Nguyễn Ngọc Ánh (2015), Từ triết lý Linga - Yoni nhìn lại những kết nối giữa hai cộng đồng Chăm Awal và Ahier, *Kỷ yếu Hội nghị Thông báo Dân tộc học 2015*, Viện Dân tộc học, Hà Nội.
17. Rie Nakamura (2000), The Coming of Islam to Champa, *Journal of the Malaysian Branch of the Royal Asiatic Society*, 73 (1), pg. 55–66.
18. Thành Phần (2010), Một số vấn đề nghiên cứu liên quan đến tín ngưỡng – tôn giáo truyền thống của người Chăm hiện nay ở Việt Nam, *Hiện đại và Động thái của Truyền thống ở Việt Nam: Những cách tiếp cận Nhân học*, Quyển 2, Nxb. Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, tr. 215-227.
19. Tổng cục Thống kê (2020), *Kết quả toàn bộ Tổng điều tra Dân số và Nhà ở năm 2019*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.
20. Đặng Nghiêm Vạn (2003), *Lý luận về tôn giáo và tình hình tôn giáo ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

#### Abstract

### **CURRENT SITUATION AND TREND OF RELIGION DEVELOPMENT OF THE BANI COMMUNITY IN BINH THUAN AND NINH THUAN PROVINCES, VIETNAM**

**Nguyen Binh**

*Institute for Religious Studies, VASS*

**Do Duy Hung**

*Institute for Religious Studies, VASS*

According to many recent studies, the Bani community formed at the end of the 16th century, and its religious practices were associated with Islamic beliefs and doctrines. For more than four centuries of existence with many changes, the Bani community still maintains its religion. Under the policy of freedom of religion and belief of the Party and the State, the religious life of the Bani community has gradually become stable. However, the Bani community is constantly in movement and development. Based on the field survey results conducted in April 2022, the article indicates the religious situation of the Bani community in the Ninh Thuan and Binh Thuan provinces.

**Keywords:** Bani; Ninh Thuan; Binh Thuan; Current situation..